

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 263/2020/HS-ST
Ngày: 22-7-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hậu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Nhung;
2. Ông Phạm Văn Hễ;

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Huyền Trân – Thư ký tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Duyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 22/7/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 337/2020/HSST ngày 16/6/2020; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 3342/QĐXXST-HS ngày 02/7/2020, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Phạm Thanh A**; Sinh năm 1980, tại tỉnh Hà Tĩnh; Hộ khẩu thường trú: 374 đường 26/3, phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Kỹ sư điện; Trình độ học vấn: lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: D và bà E; Vợ là Chu Phương Uyên và có 02 con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: không; Bị tạm giam từ ngày 31/8/2018 cho đến nay, có mặt.

2. Họ và tên: **Nguyễn Hữu F**; Sinh năm 1978, tại tỉnh Vĩnh Long; Thường trú: Ấp G, xã H, huyện I, tỉnh Vĩnh Long; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: công nhân điện; Trình độ học vấn: lớp 9/12; Con ông: J và bà K; Vợ là L và có 01 con sinh năm 2005; Tiền án, tiền sự: không; Bị tạm giam từ ngày 31/8/2018 cho đến nay, có mặt.

3. Họ và tên: **Huỳnh Thanh M**; Sinh năm 1978 tại tỉnh Long An; Thường trú: Ấp N, xã O, huyện P, tỉnh Q; Chỗ ở: Số 25 đường số 5, khu phố Long Bửu, phường Long Bình, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: buôn bán; Trình độ học vấn: lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không;

Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: R và bà S; Vợ: T và 1 con sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: không; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt.

4. Họ và tên: **Nguyễn Tuấn U**; Sinh năm 1971, tại tỉnh Vĩnh Long; Thường trú: Ấp V, xã W, huyện X, tỉnh Vĩnh Long; Nghề nghiệp: bảo vệ; Trình độ học vấn: lớp 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Y và bà Z; Vợ là A1 và có 02 con, lớn nhất sinh năm 1991, nhỏ nhất sinh năm 2001; Tiền án, tiền sự: không; Bị tạm giam từ ngày 31/8/2018 cho đến nay, có mặt.

Người bào chữa:

Ông Trần Bảo Quốc, Luật sư của Văn phòng Luật sư Anh Quốc Sài Gòn, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh – bào chữa chỉ định cho bị cáo Nguyễn Tuấn A, vắng mặt.

Bị hại: Công ty TNHH Điện Kỹ nghệ Đại Việt.

Địa chỉ: 100G Hùng Vương, Phường 9, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH Điện Kỹ nghệ Đại Việt: Ông B1 là Giám đốc đại diện theo pháp luật.

Ông B1 ủy quyền cho anh C1, sinh năm 1989, là cán bộ kỹ F của công ty TNHH Điện Kỹ nghệ Đại Việt, tham gia tố tụng theo theo Văn bản ủy quyền ngày 14/02/2020, có mặt.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Thanh A và Nguyễn Hữu F đã quen biết nhau từ trước. Vào ngày 21/7/2018, Thanh A gọi F đến uống café tại quán gần Công ty TNHH điện kỹ nghệ Đại Việt, nơi Thanh A làm nhân viên. Sau đó Thanh A điều khiển xe gắn máy dẫn đường cho F để trở về Bình Dương và đi theo đường Nguyễn Oanh, hướng từ Ngã 6 quận Gò Vấp về cầu An Lộc, Quận 12. Khi đến trước nhà số 380 Nguyễn Oanh, Phường 17, quận Gò Vấp, Thanh A nhìn thấy 01 máy biến thế Amorphous 03 pha 400kVA 22/0,4KV (EMC) của Công ty TNHH điện kỹ nghệ Đại Việt được gắn trên trụ thép bên lề đường, chưa đấu nối điện hạ thế thì rủ F cùng nhau trộm cắp máy biến thế này thì F đồng ý. Thanh A yêu cầu F tìm thêm người phụ F lấy máy, còn Thanh A sẽ tìm người mua máy và xe cẩu máy, tiền cho người phụ lấy máy thì F chịu, còn tiền thuê xe cẩu máy thì Thanh A chịu. Sau đó Thanh A liên lạc với Huỳnh Thanh M và chỉ M đến đường Nguyễn Oanh để xem máy biến thế. Thấy máy gắn trên trụ thép, M tưởng đã đấu nối điện nên gọi lại cho Thanh A là: “Máy đã đấu nối điện mà mua bán gì” thì Thanh A nói: “Máy của tao mầy chỉ việc báo

giá và mua thôi” thì M đồng ý mua với giá 95.000.000 đồng. Thanh A yêu cầu M giới thiệu xe cầu để cầu máy, M nhắn số điện thoại của anh Nguyễn Văn Hùng là Giám đốc Công ty Đại Hùng cho Thanh A và dặn khi nào lấy máy thì báo trước cho M một ngày. Còn F thì trở về Bình Dương rủ Nguyễn Tuấn A đi lấy trộm máy để F cho tiền thì Tuấn A đồng ý. Theo số điện thoại Thanh A đưa, F gọi điện thoại cho anh Nguyễn Văn Hùng để thuê xe chở máy biến thế từ đường Nguyễn Oanh, quận Gò Vấp về khu Công nghiệp Tân Bình thì anh Hùng đồng ý. Thanh A báo cho M biết buổi tối ngày 25/7/2018 sẽ giao máy.

Thanh A đi mua 01 nón bảo hộ lao động đưa cho F cùng 01 biển số xe giả 54N1-642.25 để F gắn vào xe Honda Wave màu đỏ biển số 64H5-0634 của F để đi trộm cắp máy biến thế. Tối ngày 25/7/2018, F chở Tuấn A từ Bình Dương xuống đến gặp Thanh A tại Ngã tư Ga, Quận 12 và tại đây F nói với Thanh A là M mua máy với giá 95 triệu đồng là rẻ. Thanh A gọi điện thoại cho M để F thương lượng giá và M đồng ý mua với giá 100 triệu đồng. F dùng xe gắn máy của F chở Thanh A đi qua đường Nguyễn Oanh thăm dò động tĩnh và thấy có nhiều máy dọc tuyến đường này thì quyết định sẽ lấy thêm 01 máy biến thế trước nhà số 185 Nguyễn Oanh, Phường 10, quận Gò Vấp. Thanh A gọi điện thoại cho M nói là muốn bán thêm 01 máy biến thế nữa thì M đồng ý mua, với điều kiện M trả tiền nhiều lần. Sau đó Thanh A và F quay lại Ngã tư Ga, chỗ Tuấn A đang ngồi chờ.

Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 26/7/2018, F lấy trong túi xách ra 02 chiếc áo đồng phục của công nhân điện để F và Tuấn A mặc vào. F chở Tuấn A đến gặp anh Nguyễn Đức M là nhân viên Công ty Đại Hùng để hướng dẫn anh M điều khiển xe cầu đến trước nhà số 185 Nguyễn Oanh, Phường 10, quận Gò Vấp. Tại đây, F leo lên trụ điện dùng mỏ lết mở ốc vít cố định của máy biến thế với trụ thép, rồi buộc dây để cầu máy biến thế sang xe cầu của anh Đức M. Lấy máy tại trước nhà số 185 Nguyễn Oanh xong thì F hướng dẫn anh Đức M đến trước nhà số 380 Nguyễn Oanh, Phường 17, quận Gò Vấp và tại đây F cũng leo lên trụ và dùng mỏ lết để mở máy cho anh Đức M chở đến Khu Công nghiệp Tân Bình. Lúc F lên trụ mở tháo máy thì Tuấn A ở dưới quan sát và coi xe, còn Thanh A thì đi đến Khu Công nghiệp Tân Bình trước, để đón xe cầu chở 02 máy biến thế đến và đón xe cầu, xe tải do Huỳnh Thanh M thuê chở máy về. Sau khi đưa 02 máy biến thế lên xe tải biển số 51C - 229.27 do anh Nguyễn Thanh Vạn điều khiển thì anh Vạn đưa cho Thanh A 50.000.000 đồng, là tiền của Huỳnh Thanh M đưa cho anh Vạn để trả cho Thanh A, Anh Vạn chở 02 máy biến thế về nhà mình ở phường Tam Bình, quận Thủ Đức và sáng ngày 26/7/2018 thì Huỳnh Thanh M qua nhà anh Vạn yêu cầu anh chở 02 máy biến thế đến Công ty Gia Phạm, tại địa chỉ M69 Đường HT44, phường Hiệp Thành, Quận 12, bán cho công ty Gia Phạm 01 máy với số tiền 120.000.000 đồng, còn 01 máy gửi lại tại kho của Công ty Gia Phạm. Sau đó, Công ty Gia Phạm đã bán 01 máy biến thế mua của Huỳnh Thanh M cho Công ty

xây lắp điện Triệu Quang ở tỉnh Bình Dương với giá 140.000.000 đồng, nhưng chưa nhận được tiền.

Huỳnh Thanh M trả cho Thanh A đủ 195.000.000 đồng, Thanh A lấy 100.000.000 đồng, chia cho F 95.000.000 đồng. F chia lại cho Tuấn A hai lần, lần thứ nhất trong đêm lấy máy là 1.000.000 đồng, khoản 1 tuần sau thì Tuấn A đến hỏi thì đưa thêm 9.000.000 đồng.

Theo Kết luận định giá tài sản số 33/KL ngày 24/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: Giá trị 02 máy biến thế Amorphous 3 pha 400k VA 22/0,4Kv (EMC) do Việt Nam sản xuất tại thời điểm ngày 27/7/2018 như sau:

- Giá trị trước thuế chưa bao gồm 10% thuế giá trị gia tăng là 454.752.000 đồng.

- Giá trị sau thuế đã bao gồm 10% thuế giá trị gia tăng là 500.227.200 đồng.

Tại Hợp đồng số 4799/2017/HĐ-EVNHCMC-CĐTĐ ngày 11/10/2017 ký giữa Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh và Công ty Cổ phần Điện cơ Thủ Đức cho Công ty TNHH điện kỹ nghệ Đại Việt để thi công công trình “Ngầm hóa lưới điện kết hợp dây thông tin đường Nguyễn Oanh”. Tại thời điểm bị mất trộm máy biến thế, công trình chưa được nghiệm thu, tài sản thuộc quyền quản lý của Công ty TNHH điện kỹ nghệ Đại Việt. Về giá mua của Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh không pA chịu thuế VAT 10% do được khấu trừ chi phí đầu vào. Do vậy trị giá 02 máy biến thế bị trộm cấp căn cứ để xác định giá trị tài sản bị thiệt hại tại thời điểm 02 máy biến thế bị trộm ngày 26/7/2018 là giá trị trước thuế chưa bao gồm 10% thuế giá trị gia tăng là 454.752.000 đồng. Vì theo nội dung Biên bản làm việc ngày 03/4/2019 và tài liệu thể hiện việc mua bán, đóng thuế và khấu trừ thuế giá trị gia tăng thì Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh đã chi trả 10% thuế VAT cho việc mua 30 máy biến thế (trong đó có 02 máy biến thế bị trộm) theo Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000324. Tuy nhiên, theo tờ khai quyết toán thuế tháng 01/2018, Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh đã được hoàn lại số tiền 10% thuế VAT đã chi trả trước đó cho việc mua 30 máy biến thế thông qua việc khấu trừ thuế. Do đó tại thời điểm bị mất trộm máy biến thế Tổng Công ty điện lực Thành phố Hồ Chí Minh chỉ pA chi trả số tiền 454.752.000 đồng để mua 02 máy biến thế bị trộm cấp.

Bản Cáo trạng số 224/CT-VKS-P2, ngày 27/5/2020, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo về tội: “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo Phạm Thanh A khai: Ngày 21/7/2018, bị cáo rủ bị cáo Nguyễn Hữu F lấy trộm 01 máy biến thế gắn trên trụ thép, đặt bên lề đường, trước nhà số 380 Nguyễn Oanh, quận Gò Vấp. Sau khi bị cáo F đồng ý thì bị cáo liên lạc với bị cáo Huỳnh Thanh M và hẹn sáng ngày 22/7/2018 gặp nhau tại quán nước cạnh Điện lực Bình Phú, Quận 8 để thảo luận. Qua trao đổi bị cáo mô tả tình trạng máy còn mới và đang gắn trên trụ thép trước nhà số 380 đường Nguyễn Oanh, quận Gò Vấp thì bị cáo M đồng ý mua rồi đến nơi đặt máy để xem và đưa ra giá. Khi bị cáo M đến trước nhà số 380 đường Nguyễn Oanh xem máy thì gọi điện thoại lại bị cáo và nói “Máy có điện mà mua bán gì mà, có cần tao chụp hình gửi qua không” thì bị cáo nói với bị cáo M là “Máy của tao mày chụp hình làm chi, mày chỉ cần định giá và mua thôi”. Khoảng 2 tiếng đồng hồ sau thì bị cáo M gọi điện thoại đến bị cáo, nói là đồng ý mua máy, với giá 95.000.000 đồng thì bị cáo đồng ý bán. Bị cáo và bị cáo M thống nhất khi nào lấy máy thì báo cho bị cáo M biết trước một ngày, sau đó bị cáo M gửi tin nhắn số điện thoại chủ xe cầu để bị cáo liên hệ thuê cầu máy. Bị cáo nhắn tin số điện thoại này lại cho bị cáo F để bị cáo F liên hệ thuê. Vào tối ngày 25/7/2018, bị cáo và bị cáo F gặp nhau tại Ngã tư Ga, Quận 12, bị cáo F chở theo bị cáo Nguyễn Tuấn A. Tại đây bị cáo F nói với bị cáo là máy bán với giá 95 triệu đồng là rẻ, nên bị cáo gọi điện thoại đến bị M để cho bị cáo F thương lượng lại giá thì bị cáo M đồng ý mua với giá 100 triệu đồng. Sau đó bị cáo cùng với bị cáo F đi qua đường Nguyễn Oanh kiểm tra tình hình thì thấy có nhiều máy khác nên thống nhất sẽ lấy trộm thêm 01 máy biến thế đặt trước nhà số 185 đường Nguyễn Oanh. Bị cáo gọi cho bị cáo M hỏi có mua thêm 01 máy biến thế nữa không thì bị cáo M đồng ý mua nhưng trả tiền nhiều lần vì không chuẩn bị trước. Sau đó bị cáo F và bị cáo Nguyễn Tuấn A thực hiện hành vi lấy 2 máy biến thế, còn bị cáo thì điều khiển xe đi đến Khu Công nghiệp Tân Bình để đón xe cầu chở 02 máy biến thế đến. Sau khi giao xong hai máy biến thế thì bị cáo đã nhận của bị cáo M tổng cộng 195.000.000 đồng, bị cáo lấy 100.000.000 đồng, chia cho bị cáo F 95.000.000 đồng. Bị cáo thừa nhận có đưa biển số xe 54N1-642.25 và mũ bảo hộ lao động cho bị cáo F để bị cáo F sử dụng khi đi lấy trộm máy.

- Bị cáo Nguyễn Hữu F thống nhất với lời khai của bị cáo Phạm Thanh A tại phiên tòa. Bị cáo xác định đã đến nhà rủ bị cáo Nguyễn Tuấn A tham gia lấy trộm máy biến thế và bị cáo Nguyễn Tuấn A đồng ý đi. Công việc của bị cáo Nguyễn Tuấn A là đến cho có mặt, để cho mọi người thấy có nhiều người mặc trang phục ngành điện để họ không nghi ngờ bị cáo là kẻ trộm. Sau khi nhận tiền của bị cáo Phạm Thanh A chia thì bị cáo đã đưa cho bị cáo Nguyễn Tuấn A hai lần, tổng cộng là 10.000.000 (Mười triệu) đồng.

- Bị cáo Nguyễn Tuấn A khai: Bị cáo F đến nhà rủ bị cáo đi phụ bị cáo F lấy trộm máy để bị cáo F cho tiền. Đêm 25/7/2018 bị cáo F đến nhà chở bị cáo đi đến nơi có máy. Bị cáo F đưa áo, mũ ngành điện lực cho bị cáo mặc vào. Sau khi lấy máy xong và trên đường về thì bị cáo F đưa cho bị cáo 1.000.000 đồng, khoản một

tuần sau thì bị cáo F đưa thêm 9.000.000 đồng. Tổng cộng là 10.000.000 (mười triệu) đồng.

- Bị cáo Huỳnh Thanh M thống nhất với lời khai của bị cáo Phạm Thanh A và bị cáo Nguyễn Hữu F tại phiên tòa về quá trình bàn bạc và thực hiện hành vi mua 2 máy biến thế. Do nhận thức về pháp luật không đúng nên bị cáo đã có hành vi mua hai máy biến thế khi nó còn gắn trên trụ thép và đặt nơi công cộng. Nay ra tòa bị cáo đã nhận thức được hành vi trên của bị cáo là hành vi phạm tội.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Phạm Thanh A, Nguyễn Hữu F, Huỳnh Thanh M và Nguyễn Tuấn A khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Do đó Viện kiểm sát truy tố các bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng pháp luật. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Phạm Thanh A thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, đã giao nộp toàn bộ số tiền do phạm tội mà có để khắc phục hậu quả, là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, đề nghị xử phạt từ 8 năm đến 9 năm tù.

- Bị cáo Nguyễn Hữu F thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, đã giao nộp một phần tiền do phạm tội mà có, là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, đề nghị xử phạt từ 7 năm đến 8 năm tù.

- Bị cáo Huỳnh Thanh M tại cơ quan điều tra bị cáo khai nhận đầy đủ hành vi phạm tội của mình, song không thành khẩn nhận tội. Tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã giao trả lại toàn bộ tài sản cho bị hại và đã hoàn trả tiền bán máy biến thế cho ông Phạm Xuân Đẹp, là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có việc làm ổn định, đề nghị xử phạt từ 2 năm đến 3 năm tù nhưng cho hưởng án treo, có ấn định thời gian thử thách.

- Bị cáo Nguyễn Tuấn A thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và đã giao nộp toàn bộ số tiền do phạm tội mà có, bị cáo là người khuyết tật, là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s, p khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, đề nghị xử phạt từ 2 năm đến 3 năm tù.

Về dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc các bị cáo pA bồi thường các chi phí hợp lý mà bị hại yêu cầu.

Về vật chứng:

Tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền mà các bị cáo dùng vào

việc phạm tội và từ hành vi phạm tội mà có. Các vật chứng còn lại đều có liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo và không có giá trị, đề nghị tuyên tịch thu tiêu hủy.

Luận cứ bào chữa của Luật sư đối với bị cáo Nguyễn Tuấn A có nội dung thống nhất với tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát đã truy tố. Luật sư cho rằng bị cáo Nguyễn Tuấn A thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính, bị cáo là người bị khuyết tật nặng, vai trò của bị cáo trong vụ án không đáng kể, chỉ là người giúp sức. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo mức án ở khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Trong lời nói sau cùng các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, sống có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra và Điều tra viên, của Viện kiểm sát và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Luật sư bào chữa cho bị cáo, đại diện hợp pháp của bị cáo và bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và của người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo Phạm Thanh A, Nguyễn Hữu F và Nguyễn Tuấn A tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại, của những người làm chứng và những chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nên có căn cứ để kết luận: Bị cáo Phạm Thanh A là người đề xướng, rủ bị cáo Nguyễn Hữu F thực hiện hành vi lấy trộm cái máy biến thế của Công ty TNHH Điện Kỹ nghệ Đại Việt gắn trên trụ thép, trước nhà số 380 Nguyễn Oanh, quận Gò Vấp và sau đó lấy thêm cái máy biến thế gắn trên trụ thép đặt trước nhà số 185 đường Nguyễn Oanh, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh; bị cáo Phạm Thanh A cũng là người liên lạc với bị cáo Huỳnh Thanh M để bán hai máy biến thế trên. Còn bị cáo Nguyễn Hữu F là người rủ bị cáo Nguyễn Tuấn A phụ giúp bị cáo thực hiện hành vi lấy cái hai cái máy biến thế đó. Theo kết quả định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Thành phố Hồ Chí Minh thì 2 máy biến thế của Công ty Đại Việt có giá trị 454.752.000 đồng, nên hành vi của các bị cáo trên đã phạm vào tình tiết định khung tăng nặng hình phạt qui định tại điểm a khoản 3 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Sau khi cùng bị cáo Nguyễn Hữu F thống nhất ý định thực hiện hành vi trộm cắp máy biến thế tại trước nhà số 380 Nguyễn Oanh thì bị cáo Phạm Thanh A gọi bị cáo Huỳnh Thanh M đến xem máy và thương thảo giá mua bán. Bị cáo Huỳnh Thanh M đến xem máy và nhìn thấy máy đã gắn trên trụ thép, đã khả nghi và gọi điện hỏi lại bị cáo Phạm Thanh A để xác định nguồn gốc máy. Sự hoài nghi của bị cáo M là có cơ sở, bởi lẽ ai cũng biết được máy biến thế đã gắn trên trụ thép và đặt nơi công cộng, nếu máy chưa đấu nối điện là tài sản thuộc Công ty thì công công trình, còn nếu đã đấu nối điện thì thuộc quyền quản lý của điện lực Thành phố, nếu vì lý do nào đó mà thanh lý thì pA có tài liệu để chứng minh. Mặc dù nghi ngờ và nhận biết được máy biến thế trên không pA sở hữu của bị cáo Phạm Thanh A, nhưng bị cáo M vẫn đồng ý mua và hẹn với bị cáo Phạm Thanh A khi nào lấy máy thì báo cho bị cáo biết trước một ngày. Trước khi thực hiện hành vi lấy thêm cái máy đặt trước nhà số 185 Nguyễn Oanh thì bị cáo Phạm Thanh A gọi điện thoại cho bị cáo M hỏi có mua thêm 1 máy nữa không thì bị cáo M đồng ý mua mà không hỏi thêm gì. Như vậy cả hai lần thương thảo mua bán thì hai cái máy biến thế chưa được bị cáo Phạm Thanh A chiếm đoạt và sau khi bị cáo Huỳnh Thanh M đồng ý mua thì bị cáo Phạm Thanh A cùng đồng bọn mới thực hiện hành vi trộm cắp để bán, tức là có sự hứa hẹn trước. Do đó, bị cáo M là đồng phạm của bị cáo Phạm Thanh A về tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4] Xét vai trò và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo trong vụ án, thấy rằng:

- Bị cáo Phạm Thanh A là người chủ mưu gây ra vụ án, vai trò của bị cáo thể hiện hành vi khởi xướng, rủ bị cáo Nguyễn Hữu F thực hiện hành vi phạm tội và tìm kiếm người (Bị cáo Huỳnh Thanh M) để bán tài sản trộm cắp. Với vai trò như vậy, lẽ ra pA xử phạt bị cáo mức án như Đại diện viện kiểm sát đề nghị, song xét thấy trong suốt quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; đã nộp lại toàn bộ số tiền do phạm tội mà có để khắc phục hậu quả vụ án mà bị cáo và đồng phạm gây ra; bị cáo chưa có tiền án tiền sự, chỉ nhất thời phạm tội, gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo có 2 con còn nhỏ dưới 8 tuổi, là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó chỉ xử phạt bị cáo mức án khởi điểm của khung hình phạt mà bị cáo đã phạm, tạo điều kiện cho bị cáo sớm trở về với gia đình để chăm sóc, giáo dục con cái và mức án đó cũng đủ tác dụng giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

- Bị cáo Nguyễn Hữu F là người thực hành tội phạm, do bị cáo Phạm Thanh A rủ rê, lôi kéo. Bị cáo cũng có những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 như bị cáo Phạm Thanh A, nhưng vai trò của bị cáo trong vụ án thấp hơn so với bị cáo Phạm Thanh A, nên hình phạt áp dụng cho bị cáo cũng thấp hơn. Do đó

áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo mức án dưới mức khởi điểm của khung hình phạt đã phạm.

- Bị cáo Huỳnh Thanh M là đồng phạm trong vụ án, tuy bị cáo không trực tiếp bàn bạc và không trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp, song hành vi hứa hẹn mua tài sản mà bị cáo Phạm Thanh A và đồng bọn trộm cắp, đã thúc đẩy sự quyết tâm phạm tội của bị cáo Phạm Thanh A và đồng bọn. Nếu bị cáo không hứa hẹn mua thì bị cáo Phạm Thanh A và đồng bọn chưa chắc đã thực hiện hành vi phạm tội. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, bị cáo đã tự giác trả lại toàn bộ tài sản cho bị hại và trả lại tiền bán máy cho ông Phạm Xuân Đẹp, là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, nên áp dụng thêm điều khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng và có việc làm ổn định nên áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự, cho bị cáo hưởng án treo và việc cho bị cáo hưởng án treo cũng không ảnh hưởng gì đến công tác đấu tranh phòng chống tội phạm trên lĩnh vực này.

- Bị cáo Nguyễn Tuấn A do bị cáo Nguyễn Hữu F rủ rê lôi kéo, công việc của bị cáo chỉ đơn thuần hiện trường mặc trang phục ngành điện lực với mục đích làm cho người dân và cơ quan chức năng nhầm tưởng là công nhân điện lực thực hiện công việc sửa chữa, lắp đặt máy, để cho bị cáo F thực hiện hành vi phạm tội được trót lọt. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, đã giao nộp lại toàn bộ số tiền do phạm tội mà có (Mười triệu đồng); bản thân bị cáo bị khuyết tật mất một chân và trong vụ án này bị cáo chỉ là người giúp sức, có vai trò không đáng kể; gia đình bị cáo đặt biệt khó khăn, đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s, p khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Với nhiều tình tiết giảm nhẹ và với vai trò của bị cáo trong vụ án như đã phân tích trên, nên áp dụng khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo mức án bằng thời gian đã tạm giam cũng đủ răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[6] Về hình phạt bổ sung:

Tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 còn quy định hình phạt bổ sung bằng tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, nhưng xét thấy các bị cáo mới phạm tội lần đầu và có hoàn cảnh khó khăn nên không áp dụng.

[7] Về vật chứng của vụ án:

- 01 nón bảo hộ lao động màu vàng; 01 mỏ lết bằng kim loại; 01 quần Jean màu xanh; 02 áo khoác dạng Jean màu xanh liên quan đến hành vi phạm tội nên

cần tịch thu tiêu hủy như quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Số tiền 195.000.000 đồng mà bị cáo Huỳnh Thanh M sử dụng để mua 02 máy biến thế, là tiền dùng vào việc phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước như qui định tại điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Số tiền trên bị cáo Phạm Thanh A được chia 100.000.000 đồng, bị cáo Nguyễn Hữu F được chia 85.000.000 đồng và bị cáo Nguyễn Tuấn A được chia 10.000.000 đồng. Sau khi bị phát hiện thì bị cáo Nguyễn Tuấn A đã nộp lại đủ 10.000.000 đồng, bị cáo Phạm Thanh A đã nộp lại đủ 100.000.000 đồng còn bị cáo Nguyễn Hữu F mới nộp lại 10.000.000 đồng. Do đó bị cáo F còn pA nộp 75.000.000 đồng, để sung vào ngân sách nhà nước.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Công ty TNHH Điện Kỹ nghệ Đại Việt do anh C1 là đại diện yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại cho Công ty tổng cộng là 76.000.000 đồng, gồm những khoản tiền sau:

- Chi phí tìm kiếm máy bị mất 30.000.000 đồng;
- Chi phí thí nghiệm máy biến thế 10.000.000 đồng;
- Chi phí vận chuyển đưa máy về 20.000.000 đồng;
- Chi phí nhân công lắp đặt lại 02 máy lên trụ thép 16.000.000 đồng.

Các bị cáo không thống nhất bồi thường các chi phí trên và yêu cầu tòa xét.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Chi phí thí nghiệm máy, chi phí vận chuyển đưa 2 máy về lại Công ty và tiền công lắp đặt lại hai máy biến thế có hóa đơn, chứng từ và phù hợp với qui định tại Điều 589 của Bộ luật Dân sự nên buộc các bị cáo pA có nghĩa vụ bồi thường. Bị hại không cung cấp chứng cứ chứng minh chi phí tìm kiếm và Cơ quan điều tra là người phát hiện ra tội phạm và thu hồi lại tài sản của Công ty Đại Việt bị mất, nên các bị cáo không có nghĩa vụ pA bồi thường chi phí tìm kiếm cho Công ty. Vậy tổng số tiền mà các bị cáo có trách nhiệm liên đới bồi thường cho Công ty Đại Việt là 46.000.000 đồng, chia phần mỗi bị cáo pA bồi thường là 11.500.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo Phạm Thanh A xin bồi thường thay cho bị cáo Nguyễn Tuấn A, đây là sự tự nguyện không trái với pháp luật và được anh C1 đồng ý, nên tòa ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1/ Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt: **Phạm Thanh A** 7 (Bảy) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 31/8/2018.

2/ Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt: **Nguyễn Hữu F** 6 (Sáu) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 31/8/2018.

3/ Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54; Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Xử phạt: **Huỳnh Thanh M** 3 (Ba) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 5 (Năm) năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 22/7/2020).

Giao bị cáo Huỳnh Thanh M cho Ủy ban nhân dân phường Long Bình, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú, thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó pA chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó pA chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này.

Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đối với bị cáo Huỳnh Thanh M ngay sau khi kết thúc phiên tòa, nếu bị cáo M không bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” về một Tội phạm khác.

4/ Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 173, điểm b, s, p khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 2 Điều 54 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 5 Điều 328 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Xử phạt: **Nguyễn Tuấn U** 1 (Một) năm 10 (Mười) tháng 22 (Hai mươi hai) ngày tù, về tội “Trộm cắp tài sản”, được trừ thời gian đã tạm giam từ ngày 31/8/2018 đến ngày 22/7/2020. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt.

Tuyên trả tự do cho bị cáo Nguyễn Tuấn A ngay sau khi kết thúc phiên tòa, nếu bị cáo Nguyễn Tuấn A không bị giam, giữ về một Tội phạm khác.

Về xử lý vật chứng:

Căn cứ vào điểm b, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

1/ Tuyên tịch thu để sung vào ngân sách nhà nước:

- Số tiền 110.000.000 (Một trăm mười triệu) đồng, theo Giấy nộp tiền vào tài khoản lập ngày 13/3/2019 của Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an Thành phố Hồ Chí Minh nộp vào Kho bạc nhà nước Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Số tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng, theo lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0024987 ngày 15/11/2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Buộc bị cáo Nguyễn Hữu F pA nộp 75.000.000 (Bảy mươi lăm triệu) đồng, để sung vào ngân sách nhà nước.

3/ Tuyên tịch thu tiêu hủy các vật chứng sau:

- 01 (Một) cái nón bảo hộ lao động màu vàng.
- 01 (Một) cái mỏ lết bằng kim loại.
- 01 (Một) cái quần Jean màu xanh.
- 02 (Hai) cái áo khoác dạng Jean màu xanh.

(Theo biên bản giao nhận tang tài vật số 71/20 ngày 15/11/2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015:

Buộc các bị cáo sau pA có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản cho Công ty TNHH Điện Kỹ nghệ Đại Việt với số tiền 46.000.000 (Bốn mươi sáu triệu) đồng, chia phần như sau:

1/ Bị cáo Phạm Thanh A: 23.000.000 (Hai mươi ba triệu) đồng.

2/ Bị cáo Nguyễn Hữu F: 11.500.000 (Mười một triệu năm trăm nghìn) đồng.

3/ Bị cáo Huỳnh Thanh M: 11.500.000 (Mười một triệu năm trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên pA thi hành án không thi hành hoặc không thi hành đầy đủ các khoản đã tuyên thì hàng tháng còn pA chịu thêm khoản tiền lãi, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền chậm thi hành.

Về án phí:

Áp dụng Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

- Buộc mỗi bị cáo pA chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

- Buộc bị cáo Phạm Thanh A pA nộp 1.150.000 (Một triệu một trăm năm mươi nghìn) đồng. Bị cáo Nguyễn Hữu F pA nộp 575.000 (Năm trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng, bị cáo Huỳnh Thanh M pA nộp 575.000 (Năm trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng, tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Đề sung vào ngân sách Nhà nước.

Các bị cáo và bị hại được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 22/7/2020).

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người pA thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được áp dụng theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Đã giải thích chế định án treo.

Nơi nhận:

- | | |
|-----------------------------|------|
| - TAND TC | (1) |
| - TAND Cấp cao tại TP.HCM; | (1) |
| - VKS ND TP. HCM; | (3) |
| - Cục THA DS; | (1) |
| - Bị cáo; | (4) |
| - Luật sư; | (1) |
| - Bị hại; | (1) |
| - THA HS; | (4) |
| - Phòng PC 53 - CA Tp. HCM; | (1) |
| - Phòng PC 45 – CA TP. HCM; | (1) |
| - UBND nơi bị cáo cư trú; | (4) |
| - Sở Tư pháp; | (1) |
| - Lưu, hình sự, hồ sơ (27) | (4). |

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hậu